

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN B**  
**TỈNH LÂM ĐỒNG**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **98/2022/HSST**  
Ngày 14/12/2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B**  
**TỈNH LÂM ĐỒNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Trần Văn Biên

*Các Hội thẩm nhân dân:* bà Nguyễn Thị Tài

bà Hồ Thị Hồng Liên

*Thư ký phiên tòa:* ông Trương Quang Vũ - Thư ký Toà án nhân dân huyện B.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:* ông Lê Hữu Việt Phú - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 90/2022/TLST-HS ngày 03/11/2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST-HS ngày 15/11/2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần T** (tên gọi khác: Út), sinh năm 1985 tại tỉnh Lâm Đồng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn 11, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình M (đã chết) và bà Phạm Thị S; gia đình bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; vợ là Phạm Thị Q, con 03 người, lớn nhất sinh năm 2010 nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án 01, tại Bản án số 20/2018/HS-ST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm, tính từ ngày 31/5/2018, hình phạt bổ sung số tiền 15.000.000 đồng; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/8/2022 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

Bị hại:

1. Ông **Trần Phú Đ**, sinh năm: 1952

Địa chỉ: số 71 Trần Khánh D, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng

2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc A**, sinh năm: 1956

Địa chỉ: tổ 15, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

3. Bà **Phạm Thị T**, sinh năm: 1974

Địa chỉ: số 92 Trần Quốc T, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo uỷ quyền: anh **Lý Minh T**, sinh năm 1991

Địa chỉ: số 310/21 khóm 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

4. Anh **Lý Minh T**, sinh năm 1991

Địa chỉ: số 310/21 khóm 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà **Nguyễn Thị Minh L**, sinh năm: 1979

Địa chỉ: thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

2. Bà **Phạm Thị Quê**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: thôn 11, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

(ông Đ, bà Q có mặt, bà A, T, anh T, bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Trần T là đối tượng đã có 01 tiền án về “*Tội Đánh bạc*” chưa được xóa án tích. Khi đi lấy củi ở vườn cà phê của các hộ dân ở xã L, xã L và thị trấn L, T phát hiện các vườn cà phê được rào bằng lưới B40, trong vườn đang làm đường có các đồ vật bằng kim loại, không có người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài. Do biết tiệm thu mua phế liệu của bà Nguyễn Thị Minh L nên T xác định khi lấy trộm được tài sản sẽ đem đến bán cho bà L.

Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2022 đến tháng 8/2022, Trần T đã thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản tại xã L, xã L và thị trấn L, huyện B, cụ thể như sau:

**Tại thôn 7, xã L, huyện B:** Từ tháng 6/2022 đến tháng 7/2022, T 03 lần trộm tài sản chung của chị Phạm Thị T và anh Lý Minh T.

**Lần 1:** Vào một ngày, tháng 6/2022, T một mình đi xe mô tô không biển số, số khung, số máy đến vườn chị Thiên, anh T lấy trộm 01 cối trộn bê tông (đã cũ, loại cối dạng quả lê, thể tích 250 lít, được gắn với giàn sắt xi, không có mô tơ) cột vào đuôi xe mô tô của mình, kéo đến tiệm thu mua phế liệu của bà Nguyễn Thị Minh L, cân lên được 100kg, bán được 800.000 đồng, tiêu xài hết.

**Lần 2:** Vào một ngày đầu tháng 7/2022, T một mình điều khiển xe mô tô trên đến vườn của T, anh T lấy trộm được 06 khuôn đúc ống cống và 07 tấm lót xi măng (được làm từ 32 tấm kim loại gồm 16 tấm kim loại hình chữ nhật; 16 tấm kim loại hình vuông). T dùng xe mô tô chở 04 chuyến đem bán cho bà Nguyễn Thị Minh L được 2.700.000 đồng.

**Lần 3:** Vào một ngày cuối tháng 7/2022, T một mình điều khiển xe mô tô đến vườn của chị Thiên, anh T dùng kìm cắt được 99,4m lưới B40, loại cao

1,5m rồi chở đến tiệm của bà Nguyễn Thị Minh L cân được 94kg, bán được 1.300.000 đồng, tiêu xài hết.

**Tại tổ 16, thị trấn L và xã L, huyện B:**

*Lần 4 và 5:* Vào sáng ngày 14/08/2022, T đi lấy củi tại tổ 16, thị trấn L phát hiện vườn của bà Nguyễn Thị Ngọc A rào bằng lưới kẽm B40, loại cao 1,5m nên nảy sinh ý định lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài, nhưng do trời còn sáng nên T đi về.

Khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, T đến vườn của ông Trần Phú Đ tại thôn 12, xã L, huyện B dùng kìm cắt và cuộn lại được 03 cuộn lưới kẽm B40 rồi dùng xe mô tô (xe không có biển số, số khung, số máy) chở đến cất giấu tại khu đất trống thuộc thôn 7, xã L, huyện B.

Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, T tiếp tục quay lại vườn nhà bà Nguyễn Thị Ngọc A dùng kìm cắt 01 đoạn lưới B40 khoảng 30m, cuộn lại và chở đến bãi đất trống tại thôn 7, xã L cất giấu cùng với 03 cuộn lưới kẽm B40 nêu trên.

Khoảng 04 giờ 00 phút sáng ngày 15/08/2022, T chở 04 (bốn) cuộn lưới kẽm B40 trên đến tiệm thu mua phế liệu của bà Nguyễn Thị Minh L bán được 1.800.000 đồng.

Đến 05 giờ 00 phút ngày 15/08/2022, Công an xã L tổ chức tuần tra phát hiện nên tiến hành kiểm tra, làm việc thì T khai nhận hành vi phạm tội nêu trên. Đồng thời, Công an xã L thu giữ của T 1.800.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia, số model RM-1190, số imeil 353107115239150; 01 xe mô tô hiệu Sino Honda không biển số, không có số khung, số máy. Thu giữ tại nhà bà Nguyễn Thị Minh L 04 cuộn lưới kẽm B40 tổng trọng lượng 209,5kg (gồm: 01 cuộn lưới kẽm B40 loại 1,5m trọng lượng 88,5kg, 01 cuộn lưới kẽm B40 loại 1,2m trọng lượng 50kg, 01 cuộn lưới kẽm B40 loại 1,2m trọng lượng 40,5kg, 01 cuộn lưới kẽm B40 loại 1,2m trọng lượng 30,5kg).

Tại bản cáo trạng số 92/CT-VKS-BL ngày 28/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Trần T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần T trình bày: thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng đã truy tố.

Bị hại ông Trần Phú Đ trình bày: ngày 14/8/2022, bị cáo đến vườn của ông tại thôn 12, xã L, huyện B cắt trộm 121kg lưới kẽm B40. Trong quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B đã trả lại T bộ số lưới B40 nêu trên, vợ bị cáo đã bồi thường cho ông số tiền 600.000 đồng, nay không yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thị Quê trình bày: bà không biết việc bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp nêu trên, sau khi biết được sự việc bà đã bồi thường và xin lỗi các bị hại, xin Hội đồng xét xử xem

xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để được sớm hòa nhập cộng đồng, cùng gia đình chăm lo cho con cái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần T từ 18 đến 24 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình điều tra bà Phạm Thị Quê là vợ bị cáo đã bồi thường cho anh Lý Minh T số tiền 19.500.000 đồng; ông Trần Phú Đ số tiền 600.000 đồng; bà Nguyễn Thị Ngọc A số tiền 300.000 đồng nay các bị hại không yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng:

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ và trả lại cho ông Trần Phú Đ 03 cuộn lưới kẽm B40, loại cao 1,2m, tổng trọng lượng 121kg; bà Nguyễn Thị Ngọc A 01 cuộn lưới kẽm B40, trọng lượng 88,5kg, loại 1,5m nên đề nghị không xem xét.

Đối với cái Kim bị cáo sử dụng để phạm tội bị cáo đã làm rơi, không rõ ở đâu nên không thu hồi được nên đề nghị không xem xét.

Đối với 01 điện thoại di động Nokia, số model RM-1190, số imeil 353107115239150 là tài sản hợp pháp nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Sino Honda không biển số, không có số khung, số máy đề nghị giao cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B tiếp tục điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 10 đoạn kim loại màu xám bạc, dạng xoắn, hình tròn, đường kính 0,3cm có độ dài lần lượt các đoạn là 15cm, 15,5cm, 16cm, 24cm và 26cm thu giữ tại vườn của ông Trần Phú Đ; 02 đoạn kim loại màu xám bạc, dạng xoắn, hình tròn, đường kính 0,3cm, cùng có chiều dài 14cm thu giữ tại vườn bà Nguyễn Thị Ngọc A không còn giá trị đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 1.800.000 đồng thu giữ của bị cáo do bán lưới B40 cho bà Nguyễn Thị Minh L đã giấy nộp tiền ngày 03/10/2022 vào tài khoản số 39490905926200000 của Công an huyện B tại Kho bạc nhà nước huyện B và Công an huyện B đã chuyển vào số tài khoản 3949.0.1054705.00000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo giấy uỷ nhiệm chi lập ngày 29/11/2022 (*được Kho bạc nhà nước huyện B xác nhận ngày 30/11/2022*) là tiền do bị cáo phạm tội mà có đề nghị trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh L.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo đã nhận thức được hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật, bị cáo xin lỗi người bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để được sớm về với gia đình và hội hoà nhập xã hội.

### **PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo:

[2.1] Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội như sau: từ tháng 6/2022 đến tháng 7/2022, bị cáo Trần T đã 03 lần trộm cắp tài sản gồm 01 máy trộn bê tông; 32 tấm kim loại V5; 01 cuộn lưới B40 có trọng lượng 94kg tại xã L, huyện B của chị Thiên và anh T. Theo Kết luận định giá tài sản số 91/KL-HĐĐGTS ngày 06/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện B thì 01 máy trộn bê tông đã qua sử dụng có giá trị 700.000 đồng; 32 tấm kim loại V5 có giá trị 4.280.000 đồng, 99,4m lưới kẽm B40 đã qua sử dụng có giá trị là 1.192.800 đồng, tổng cộng là: 4.980.000 đồng. Ngày 14/08/2022 bị cáo dùng kìm cắt trộm cắp 121kg lưới B40 tại thôn 12, xã L, huyện B của ông Trần Phú Đ. Theo Kết luận định giá tài sản số 76/KL-HĐĐGTS ngày 17/08/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện B 121kg lưới B40 đã qua sử dụng có giá trị là 1.210.000 đồng. Cùng ngày 14/8/2022 bị cáo dùng kìm cắt trộm cắp 88,5kg lưới B40 tại tổ 16, thị trấn L, huyện B của bà Nguyễn Thị Ngọc A theo Kết luận định giá tài sản số 76/KL-HĐĐGTS ngày 17/08/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện B 88,5kg lưới B40 đã qua sử dụng có giá trị là 973.500 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo đã trộm cắp nêu trên là 8.356.300 đồng.

Bị cáo là người đã trưởng thành nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do tham lam, không có tiền tiêu xài cá nhân nên đã lén lút cố ý thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần, bất chấp pháp luật. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn T phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố đối với bị cáo.

[2.2] Như vậy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Trần T đã cấu thành “Tội trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, cáo trạng số 92/CT-VKS-BL

ngày 28/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 là hoàn T có cơ sở, đứng người, đứng tội và đứng pháp luật.

[2.3] Hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong cộng đồng dân cư. Tại Bản án số 20/2018/HS-ST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm, tính từ ngày 31/5/2018; hình phạt bổ sung số tiền 15.000.000 đồng nhưng bị cáo không tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội mà tiếp tục thực hiện nhiều hành vi trộm cắp, điều đó cho thấy bản thân bị cáo rất coi thường pháp luật. Để trừng trị nghiêm khắc hành vi phạm tội, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và ngăn ngừa phạm tội mới, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật nên cần phải xét xử và áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[3] Hội đồng xét xử đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Bị cáo tự nguyện nhờ vợ là Phạm Thị Quê bồi thường khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần và trong trường hợp chưa được xóa án tích nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo có nhân thân xấu.

[4] Từ những cơ sở phân tích nhận định nêu trên, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình điều tra bà Phạm Thị Quê là vợ bị cáo đã bồi thường cho anh Lý Minh T số tiền 19.500.000 đồng; ông Trần Phú Đ 600.000 đồng; bà Nguyễn Thị Ngọc A 300.000 đồng nay các bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[6] Về vật chứng:

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B thu giữ và trả lại cho ông Trần Phú Đ 03 cuộn lưới kẽm B40, loại cao 1,2m, tổng trọng lượng 121kg; bà Nguyễn Thị Ngọc A 01 cuộn lưới kẽm B40, trọng lượng 88,5kg, loại 1,5m nên không xem xét.

Đối với cái Kim bị cáo sử dụng để phạm tội bị cáo đã làm rơi, không rõ ở đâu không thu hồi được nên không xem xét.

Đối với 10 đoạn kim loại màu xám bạc, dạng xoắn, hình tròn, đường kính 0,3cm có độ dài lần lượt các đoạn là 15cm, 15,5cm, 16cm, 24cm và 26cm thu giữ tại vườn của ông Trần Phú Đ; 02 đoạn kim loại màu xám bạc, dạng xoắn, hình tròn, đường kính 0,3cm, cùng có chiều dài 14cm thu giữ tại vườn bà Nguyễn Thị Ngọc A xét không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động Nokia, số model RM-1190, số imeil 353107115239150 là công cụ sử dụng khi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Sino Honda không biển số, không có số khung, số máy là công cụ phương tiện sử dụng khi phạm tội giao cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B tiếp tục điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 1.800.000 đồng thu giữ của bị cáo do bán lưới B40 cho bà Nguyễn Thị Minh L đã nộp vào tài khoản số 39490905926200000 của Công an huyện B tại Kho bạc nhà nước huyện B (*theo giấy nộp tiền ngày 03/10/2022*) và Công an huyện B chuyển vào số tài khoản 3949.0.1054705.000000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo giấy uỷ nhiệm chi lập ngày 29/11/2022 (*được Kho bạc nhà nước huyện B xác nhận ngày 30/11/2022*) là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh L.

[7] Về án phí: buộc bị cáo Trần T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với bà Nguyễn Thị Minh L mua tài sản do bị cáo trộm cắp nhưng không biết là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự là đúng quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**1.** Tuyên bố bị cáo Trần T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 15/8/2022).

**2.** Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 10 đoạn kim loại màu xám bạc, dạng xoắn, hình tròn, đường kính 0,3cm có độ dài lần lượt các đoạn là 15cm, 15,5cm, 16cm, 24cm, 26cm; 02 đoạn kim loại màu xám bạc, dạng xoắn, hình tròn, đường kính 0,3cm, cùng có chiều dài 14cm và 01 điện thoại di động Nokia, số model RM-1190, số imeil 353107115239150.

Giao cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B tiếp tục điều tra xử lý theo quy định của pháp luật đối với 01 xe mô tô hiệu Sino Honda không biển số, không có số khung, số máy.

*(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/11/2022).*

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh L số tiền 1.800.000 đồng đã nộp vào tài khoản số 39490905926200000 của Công an huyện B tại Kho bạc nhà nước huyện B *(theo giấy nộp tiền ngày 03/10/2022)* và Công an huyện B chuyển vào số tài khoản 3949.0.1054705.00000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo giấy uỷ nhiệm chi lập ngày 29/11/2022 *(được Kho bạc nhà nước huyện B xác nhận ngày 30/11/2022).*

**3. Về án phí:** Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện B;
- Bị cáo, và những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**  
(Đã ký)

**Trần Văn Biên**